

KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Đức Kiên

Giám đốc Sở KH&CN Bắc Giang

Trong giai đoạn 2010-2015, tỉnh Bắc Giang đã triển khai thực hiện 9 dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi (Chương trình nông thôn miền núi). Các dự án này đều hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương và đã đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ thực tiễn triển khai các dự án, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm thực hiện tốt các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Những kết quả nổi bật

Giai đoạn 2010-2015, tỉnh Bắc Giang đã triển khai thực hiện 9 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi. Các dự án này đều dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả về các sản phẩm nông nghiệp đặc thù, có lợi thế cạnh tranh, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả của các dự án được thể hiện ở các khía cạnh: Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến tiên tiến; đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân; tăng cường trình độ chuyên môn và năng lực chỉ đạo sản xuất cho đội ngũ khuyến nông viên cơ sở là người địa phương, đồng bào dân tộc thiểu số; thay đổi tập quán sản xuất từ tự cung, tự cấp, hàng hóa nhỏ lẻ, theo kinh nghiệm sang tập quán sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ KH&CN; tăng năng suất, chất lượng của nông sản, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân; phát triển nền nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường. Có thể nêu một số dự án tiêu biểu như:

Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống vô tính, trồng, thâm canh, cải tạo nương chè già cỗi bằng một số giống chè mới và chế biến chè an toàn tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang”: Đã xây dựng mô hình vườn giâm cành chè 2.000 m²; mô hình vườn giống gốc 1,5 ha; mô hình trồng, chăm sóc nương chè giống mới giai đoạn đầu kết hợp với thâm canh tổng hợp sản xuất chè an toàn 30 ha; mô hình thâm canh, cải tạo nương chè già cỗi 30 ha; mô hình chế biến chè xanh quy mô 3 tấn búp tươi/ngày; chế biến chè đen chất lượng cao quy mô 10 tấn búp tươi/ngày. Dự án đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của huyện Yên Thế, nâng

diện tích chè lên trên 400 ha, đưa cây chè trở thành cây công nghiệp có thế mạnh của huyện. Hiện nay, tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng thương hiệu chè Yên Thế và mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm để tiến tới xuất khẩu. Mặc dù đã kết thúc, nhưng dự án có sức lan tỏa mạnh, giúp nâng cao nhận thức, hình thành nên tập quán canh tác bằng giống mới, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và chế biến chè an toàn cho người dân địa phương.



Một số giống chè mới tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Dự án “Ứng dụng công nghệ tiên tiến xây dựng mô hình sản xuất hoa chất lượng cao tại thành phố Bắc Giang”: Đã xây dựng được mô hình sản xuất hoa lan Hồ điệp đạt 30.000 cây/năm, lợi nhuận thu được 500-800 triệu đồng/ha/năm (cao gấp 10-20 lần so với trồng lúa và các loại rau màu khác); mô hình sản xuất hoa Lily trong nhà lưới đạt 120.000 cây/năm, cho lợi nhuận 400-500 triệu đồng/ha/năm; mô hình sản xuất hoa Layon ngoài tự nhiên với diện tích 4 ha, đạt 480.000 cây/năm, lợi nhuận đạt 150-



Mô hình sản xuất hoa Lily chất lượng cao tại thành phố Bắc Giang.

200 triệu đồng/ha/năm. Với hiệu quả kinh tế vượt trội so với trồng lúa, dự án đã đóng vai trò dẫn dắt, thu hút đông đảo người dân trồng hoa chất lượng cao, hình thành tập quán canh tác hoa theo quy mô công nghiệp, không gây ô nhiễm môi trường và làm đẹp cảnh quan sinh thái cho vùng.

“Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong trồng trọt và chế biến dược liệu Địa liền ở Bắc Giang” là dự án tạo ra được mô hình đầu tiên của tỉnh trong phát triển dược liệu từ nguồn nguyên liệu ổn định, tập trung, đến sản phẩm đầu ra (mô hình sản xuất giống Địa liền quy mô 5,02 ha, năng suất đạt 25,25 tấn/ha, sản lượng 126,73 tấn; mô hình sản xuất thâm canh Địa liền quy mô 90,36 ha, năng suất đạt 27,69 tấn/ha, sản lượng đạt 2.502,42 tấn; mô hình bảo quản Địa liền tươi; mô hình chế biến Địa liền bằng 2 giai đoạn sấy thủ công và sấy công nghiệp đạt thủy phần 18%, sản lượng đạt 312,5 tấn).

Dự án “Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Bạch đàn và Keo tai tượng tại Bắc Giang” đã xây dựng được các mô hình: 0,6 ha vườn cây đầu dòng các dòng Bạch đàn lai, 2 ha vườn giống vô tính Keo tai tượng thế hệ 1,5, mô hình Bạch đàn lai 17 ha. Đặc biệt, giống mới (khắc phục được một số nhược điểm của giống cũ) đưa vào trồng rừng mô hình 17 ha (năm 2015) đến nay đã nhân rộng được hơn 700 ha. Rõ ràng, sự phát triển diện tích rừng trồng bằng giống mới tăng gấp hàng chục lần so với mục tiêu sau khi kết thúc đã chứng minh được hiệu quả, sức sống và sự lan tỏa của dự án. Các giống mới này sinh trưởng phát triển tốt hơn giống cũ 15-20%, thân thẳng, ít phân cành/nhánh, tủa cành tự nhiên tốt, ít nhiễm sâu bệnh. Kết quả của dự án đã góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, tăng thu nhập cho bà con trồng rừng.

Một số bài học kinh nghiệm

Một là, cần duy trì và phát huy cơ chế phân định rõ chức năng quản lý của Sở KH&CN và phân quyền quản lý các dự án cho địa phương nhằm tạo sự chủ động trong

quản lý, triển khai. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án: Cơ quan chủ trì, Sở KH&CN, cơ quan quản lý, Văn phòng Chương trình nông thôn miền núi (Bộ KH&CN), người dân tham gia dự án. Thực tế triển khai các dự án đã tạo dựng được mối liên kết 4 nhà (nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và nhà nông) từ sản xuất, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm.

Hai là, chú trọng khâu khảo sát ban đầu để lựa chọn chính xác, đầy đủ nội dung, quy mô, tiêu chuẩn các hộ tham gia mô hình... nhằm hạn chế tối đa việc điều chỉnh dự án sau khi đã được phê duyệt.

Ba là, tạo ra cơ chế, chính sách hoặc phối hợp với các chương trình khác trên địa bàn tỉnh để duy trì, mở rộng, lan tỏa các mô hình sau khi dự án kết thúc. Một dự án thực sự hiệu quả là một dự án nhân rộng được kết quả và thu hút được nhiều bên tham gia sau khi kết thúc. Thực tế ở Bắc Giang cho thấy, liên kết và phối hợp giữa các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương về nông nghiệp, nông thôn, các chương trình nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu quốc gia khác đã góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực của Nhà nước và huy động tối đa nguồn lực của xã hội, góp phần phát triển sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, tạo thêm việc làm cho bà con nông dân, thực hiện mục tiêu tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo.

Bốn là, tăng cường hợp tác KH&CN giữa địa phương với viện nghiên cứu, trường đại học của Trung ương. Trong thời gian qua, Bắc Giang đã ký kết chương trình phối hợp hoạt động KH&CN với Bộ KH&CN, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Kết quả của các chương trình phối hợp hoạt động này đã góp phần tăng cường nguồn lực cho địa phương, thực hiện hiệu quả các chương trình, đề tài, dự án, trong đó có các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi.

Từ thực tiễn triển khai các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi trong giai đoạn vừa qua, xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của địa phương, đề nghị Bộ KH&CN xem xét tăng quy mô và kinh phí hỗ trợ cho các dự án trong giai đoạn tới để hình thành nên các vùng sản xuất tập trung, phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của địa phương; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt, thẩm định, cấp kinh phí triển khai các dự án nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan chủ trì chủ động triển khai công việc, đặc biệt là đối với những dự án mang tính thời vụ. ✍